

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**BẢNG CHI TIẾT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN THU THẬP, CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA,
THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN GIAI ĐOẠN 2023-2025**

(Đính kèm theo Kế hoạch số 1164 /KH-UBND ngày 29 / 3 /2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng số (đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
			Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)			
I	Chi hỗ trợ cơ quan xây dựng phương án điều tra thống kê, tổng hợp phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê				90,000,000			90,000,000			90,000,000	270,000,000		
1	Chi xây dựng phương án điều tra thống kê				45,000,000			45,000,000			45,000,000	135,000,000		Theo quy định tại điểm a, khoản, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh
	- Cấp tỉnh	đồng/kế hoạch/cơ quan	1	2,000,000	2,000,000	1	2,000,000	2,000,000	1	2,000,000	2,000,000	12,000,003	Cấp tỉnh	
	- Cấp huyện/thành phố	đồng/kế hoạch/cơ quan	7	1,500,000	10,500,000	7	1,500,000	10,500,000	7	1,500,000	10,500,000	36,000,021	Cấp huyện	
	- Cấp xã/phường/thị trấn	đồng/kế hoạch/cơ quan	65	500,000	32,500,000	65	500,000	32,500,000	65	500,000	32,500,000	99,000,195		
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê				45,000,000			45,000,000			45,000,000	135,000,000		Theo quy định tại điểm b, khoản, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh
	- Cấp tỉnh	đồng/báo cáo/cơ quan	1	2,000,000	2,000,000	1	2,000,000	2,000,000	1	2,000,000	2,000,000	12,000,003	Cấp tỉnh	
	- Cấp huyện/thành phố	đồng/báo cáo/cơ quan	7	1,500,000	10,500,000	7	1,500,000	10,500,000	7	1,500,000	10,500,000	36,000,021	Cấp huyện	
	- Cấp xã/phường/thị trấn	đồng/báo cáo/cơ quan	65	500,000	32,500,000	65	500,000	32,500,000	65	500,000	32,500,000	99,000,195		
II	Chi tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin của người lao động				11,191,030,000			3,353,740,000			3,422,830,000	17,967,600,000		- Theo quy định tại Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh; - Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của BTC

STT	Nội dung chi	DVT	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng số (đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
			Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)			
	- Năm 2023, điều tra, thu thập thông tin người lao động toàn tỉnh (điều tra mới). - Mỗi năm tiếp theo điều tra, thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin người lao động bao gồm: + Người lao động điều tra, thu thập lần đầu; + Người lao động có thông tin biến động cần thu thập lại, cập nhật, chỉnh sửa		Tổng số người lao động từ 15 tuổi trở lên cuối năm 2022: 313.000 người có mặt tại địa phương trong tổng số 338.000 người trong độ tuổi.			Dự kiến số người lao động từ 14 tuổi thành 15 tuổi: 11.000 người - Điều tra mới: 11.000 người - Dự kiến điều tra, thu thập số người biến động (25% số đã điều tra): 78.000 người. Tổng số người cần điều tra: 89.000 người			Dự kiến số người lao động từ 14 tuổi thành 15 tuổi: 12.000 người - Điều tra mới: 12.000 người - Dự kiến điều tra, thu thập số người biến động (25% số đã điều tra): 81.000 người. Tổng số người cần điều tra: 93.000 người					
1	Chi in phiếu điều tra, thống kê (và in dự phòng hao hụt, hư hỏng 20%)	Phiếu	375,600	500	187,800,000	106,800	500	53,400,000	111,600	500	55,800,000	297,595,500	Cấp tỉnh	Tạm tính, chi thực tế theo quy định hiện hành
2	Chi tiền công điều tra, thu thập, thống kê thông tin	Phiếu	313,000	3,000	939,000,000	89,000	3,000	267,000,000	93,000	3,000	279,000,000	1,485,504,000	Cấp huyện	- Theo quy định tại điểm a, b khoản 4, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh. - Mức chi đã tính áp dụng cho đối tượng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của
3	Chi tiền hỗ trợ cho đối tượng cung cấp thông tin	Phiếu	313,000	30,000	9,390,000,000	89,000	30,000	2,670,000,000	93,000	30,000	2,790,000,000	14,850,585,000	Cấp huyện	Theo quy định tại điểm a khoản 2, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh
4	Chi xử lý kết quả điều tra thống kê: nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê (7% tiền công điều tra, thu thập, thống kê thông tin)	Phiếu	313,000	210	65,730,000	89,000	210	18,690,000	93,000	210	19,530,000	104,445,630	Cấp huyện	Theo quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 3 của Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của BTC

STT	Nội dung chi	ĐVT	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng số (đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
			Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)			
5	Chi tiền công cập nhật thông tin điều tra, thu thập vào phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia (nhập tin)	Phiếu	313,000	1,500	469,500,000	137,100	1,500	205,650,000	93,000	1,500	139,500,000	815,197,600	Cấp huyện	- Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của BTC; - Mức chi đã tính áp dụng cho đối tượng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 3 của Quyết định số 63/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh.
6	Chi hỗ trợ cán bộ xã đi khảo sát, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tại các thôn/khu phố (Khoản công tác phí 400,000đ/tháng cho 2 người/xã/2 tháng)	02 người/xã	65	1,600,000	104,000,000	65	1,600,000	104,000,000	65	1,600,000	104,000,000	316,800,195	Cấp huyện	Tạm tính, mức chi thực tế sẽ thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại
7	Chi hỗ trợ cho các huyện, thành phố xăng xe, phụ cấp lưu trú đi khảo sát, kiểm tra, giám sát tại các xã/phường/thị trấn	Huyện/TP	7	3,000,000	21,000,000	7	3,000,000	21,000,000	7	3,000,000	21,000,000	72,000,021	Cấp huyện	QĐ số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh
8	Chi hỗ trợ cho Sở đi khảo sát, kiểm tra, giám sát tại 7 huyện, thành phố	Huyện/TP	7	2,000,000	14,000,000	7	2,000,000	14,000,000	7	2,000,000	14,000,000	48,000,021	Cấp tỉnh	UBND tỉnh
III	Chi tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ													
	Công tác tổ chức tập huấn, hướng dẫn thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin của người lao động (bao gồm: báo cáo viên, nước uống, hỗ trợ tiền ăn và xăng xe cho đại biểu không hưởng lương từ NSNN, thuê hội trường, market, tài liệu, văn phòng phẩm...)		7 lớp	30 triệu/lớp	210,000,000	4 lớp	30 triệu/lớp	120,000,000	4 lớp	30 triệu/lớp	120,000,000	450,000,000	Cấp tỉnh	Tạm tính, mức chi thực tế sẽ thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại QĐ số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh
IV	Các khoản khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê (văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, tổng kết, sơ kết đánh giá...)				260,000,000			260,000,000			260,000,000	780,000,000	Cấp huyện	Tạm tính, mức chi thực tế sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 8; điểm a, khoản 12, Điều 3 của Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của BTC
TỔNG CỘNG					11,751,030,000			3,823,740,000			3,892,830,000	19,467,600,000		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng số (đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
			Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Mức chi (đồng)	Thành tiền (đồng)			